

Số: 259/KQ/HĐTD

Vĩnh Long, ngày 21 tháng 02 năm 2023

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ.

Sở Xây dựng (*Thường trực Hội đồng Thẩm định Quy hoạch Xây dựng tỉnh Vĩnh Long*) nhận được Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 13/01/2023 của UBND huyện Long Hồ về việc thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Tổng hợp - Nagecco lập. Đến ngày 18/01/2023, Sở Xây dựng mới nhận được hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch.

Sau khi nghiên cứu nội dung Tờ trình và hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch nêu trên, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung chủ yếu sau:

A. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ:

I. Các căn cứ pháp lý:

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được hợp nhất tại văn bản hợp nhất số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;

Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng đã được hợp nhất tại văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng;

Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2021/BXD về quy hoạch xây dựng; Các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các qui định hiện hành liên quan về quy hoạch xây dựng;...

II. Các văn bản có liên quan:

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 28/02/2018 của UBND tỉnh về việc phê Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 3234/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030;

Công văn số 4227/UBND-KTNV ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương lập nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Công văn số 283/KTHT ngày 09/12/2022 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Long Hồ về việc tổng hợp ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

B. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:

I. Hồ sơ bản vẽ: Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng; Bản đồ ranh giới và phạm vi lập quy hoạch.

II. Báo cáo tổng hợp gồm: Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch và văn bản có liên quan, Tờ trình số 06/TTr-UBND ngày 13/01/2023 của UBND huyện Long Hồ.

C. NỘI DUNG ĐẠT ĐƯỢC CỦA NHIỆM VỤ QUY HOẠCH:

I. Phạm vi, ranh giới, giai đoạn lập quy hoạch:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:

a. Phạm vi nghiên cứu trực tiếp: Phạm vi lập quy hoạch vùng huyện Long Hồ bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Long Hồ (gồm 01 thị trấn và 14 xã) với tổng diện tích tự nhiên khoảng 196,34 km², có vị trí giáp giới như sau:

- Phía Đông giáp huyện Mang Thít và huyện Chợ Lách tỉnh Bến Tre
- Phía Tây giáp Thành Phố Vĩnh Long và giáp huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp
- Phía Nam giáp huyện Tam Bình
- Phía Bắc giáp huyện Cai Lậy và huyện Cái Bè thuộc tỉnh Tiền Giang

b. Phạm vi nghiên cứu mở rộng: Vùng tỉnh Vĩnh Long, vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Giai đoạn quy hoạch:

- Ngắn hạn đến năm 2030, dài hạn tới năm 2040.
- Tầm nhìn đến năm 2050.

II. Mục tiêu và nhiệm vụ lập quy hoạch:

1. Quan điểm:

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Long Hồ trong bối cảnh phát triển là huyện giáp ranh của thành phố Vĩnh Long, nằm trong vùng tỉnh Vĩnh Long và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện trên cơ sở phát triển bền vững dựa trên các thế mạnh hiện có làm tiền đề thúc đẩy quá trình đô thị hoá và tăng trưởng kinh tế - xã hội của vùng huyện Long Hồ nói riêng cũng như góp phần vào tăng trưởng chung của Tỉnh.

Cập nhật và khớp nối các quy hoạch, các dự án đang và sẽ triển khai của huyện và tỉnh có liên quan đến khu vực nghiên cứu quy hoạch.

2. Mục tiêu:

Cụ thể hóa các khu vực phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn trên địa bàn huyện phù hợp với chủ trương phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, bảo vệ cảnh quan môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế riêng của huyện để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh, đời sống, vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên; Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, liên kết đô thị và các điểm dân cư nông thôn, đảm bảo phát triển cân bằng hài hòa giữa đô thị và nông thôn; Đảm bảo tính ổn định, phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.

Làm cơ sở triển khai lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch xây dựng nông thôn, xây dựng chương trình phát triển đô thị, hoạch định các chính sách phát triển, quản lý đô thị và các khu vực nông thôn, các khu vực phát triển công nghiệp, du lịch, nông nghiệp, ... và hệ thống các công trình chuyên ngành, đảm bảo vùng huyện phát triển hài hòa và bền vững, tạo cơ hội thu hút đầu tư. Đáp ứng được tiêu chí quan trọng để hướng tới mục tiêu đạt huyện nông thôn mới.

3. Tính chất vùng:

- Là huyện ở khu vực cửa ngõ phía Bắc tiếp giáp với TP.Vĩnh Long và tỉnh Bến Tre.
- Là trung tâm thương mại dịch vụ, phát triển đô thị, giáo dục đào tạo và y tế của tỉnh.
- Là trung tâm công nghiệp tập trung của tỉnh.
- Là trung tâm du lịch mang nét đặc trưng của Đồng bằng sông Cửu Long, là huyện nông nghiệp sạch, nông nghiệp chất lượng cao.

III. Các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu:

1. Dân số:

Theo Niên giám thống kê năm 2021 dân số của huyện Long Hồ là khoảng 168.691 người, trong đó dân số đô thị khoảng 7.127 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 4,2%.

2. Các chỉ tiêu đất đai, hạ tầng kỹ thuật chủ yếu:

Được cụ thể trong bảng sau:

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Đến năm 2030 | Đến năm 2040 |
|------------|------------------------------------|------------------------|--------------|--------------|
| 1 | Đất đai | | | |
| - | Đất xây dựng đô thị | m ² /người | 150 - 200 | 200 - 250 |
| - | Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn | m ² /người | 100 - 130 | 130 - 160 |
| 2 | Đất cây xanh | | | |
| - | Đô thị | m ² /người | ≥ 5 | ≥ 6 |
| - | Các điểm dân cư nông thôn | m ² /người | ≥ 2 | ≥ 4 |
| 3 | Hạ tầng kỹ thuật | | | |
| 3.1 | Giao thông | | | |
| | Tỷ lệ đất giao thông | % đất xây dựng đô thị | 20 - 22 | 20 - 25 |
| 3.2 | Cấp điện | | | |
| - | Đô thị | KWh/người.năm | 1000 | 1000 |
| - | Các điểm dân cư nông thôn | KWh/người.năm | 600 | 600 |
| - | Công nghiệp | KW/ha | 120 - 350 | 120 - 350 |
| 3.3 | Cấp nước | | | |
| - | Sinh hoạt (Qsh): | | | |
| | Đô thị | lít/người/ngày | 120 | 120 |
| | Các điểm dân cư nông thôn | lít/người/ngày | 100 | 100 |
| - | Công nghiệp | m ³ /ha.ngđ | 25 - 45 | 25 - 45 |
| - | Công cộng | %Qsh | 10 | 10 |

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Đến năm 2030 | Đến năm 2040 |
|------------|----------------------------------|---------------|--------------|--------------|
| 3.4 | Thoát nước thải | | | |
| - | Sinh hoạt (Qsh) | | | |
| | <i>Đô thị</i> | % Qsh | ≥80 | ≥80 |
| | <i>Các điểm dân cư nông thôn</i> | % Qsh | ≥80 | ≥80 |
| - | Công nghiệp | % Qsh | ≥80 | ≥80 |
| 3.5 | Thu gom chất thải rắn | | | |
| | - Chỉ tiêu thu gom | kg/người/ngày | 0,8 - 1 | 0,8 - 1 |
| | - Tỷ lệ thu gom | % | 100 | 100 |

* **Ghi chú:** Các chỉ tiêu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khác tuân thủ theo quy định tại QCXDVN 01:2021/BXD, các chỉ tiêu về đất đai sẽ được nghiên cứu cụ thể và có thể được điều chỉnh tại bước lập đề án quy hoạch nhằm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

IV. Nội dung nghiên cứu và yêu cầu nghiên cứu:

1. Nội dung nghiên cứu:

Thực hiện theo quy định tại Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được hợp nhất tại văn bản số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Quốc hội; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng đã được hợp nhất tại văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng.

2. Các yêu cầu nghiên cứu lập quy hoạch:

2.1. Yêu cầu thu thập số liệu, phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng vùng lập quy hoạch:

Thu thập số liệu đầy đủ về hiện trạng như: điều kiện tự nhiên, thực trạng kinh tế xã hội, hiện trạng phân bố đô thị, nông thôn, dân số, sử dụng đất và quản lý đất đai, hệ thống hạ tầng xã hội (*giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ, ...*), hệ thống hạ tầng kỹ thuật (*giao thông, cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng, quản lý chất thải và nghĩa trang*), hiện trạng tài nguyên môi trường, hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển trên địa bàn huyện.

Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên và hiện trạng vùng lập quy hoạch.

Đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch, quản lý tài nguyên bảo vệ môi trường; đánh giá mức độ đô thị hóa của huyện Long Hồ.

2.2. Định hướng phát triển không gian vùng huyện:

Đề xuất phát triển không gian vùng huyện Long Hồ trên cơ sở Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, định hướng phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh cũng như huyện Long Hồ.

Đề xuất mô hình phát triển không gian vùng, phân vùng phát triển. Định hướng phát triển không gian vùng trên cơ sở phân vùng chức năng (*các vùng phát triển công nghiệp, du lịch, thương mại - dịch vụ, các vùng sản xuất nông nghiệp, ...*).

Phân bố các khu vực dịch vụ thương mại mang tính chất vùng, có liên kết với trung tâm của đô thị của Tỉnh như thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh, các huyện lân cận và các trung tâm đô thị của các tỉnh giáp ranh.

Xác định hệ thống đô thị, các điểm dân cư nông thôn theo mô hình nông thôn mới nâng cao (*các khu vực phát triển ổn định, khu vực cần chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, các khu vực quy hoạch xây dựng mới*). Dự báo quy mô dân số, các vùng đô thị hóa theo từng giai đoạn. Đề xuất tổ chức không gian đô thị, phân loại đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, chức năng và quy mô các đô thị, trong đó trọng tâm là đô thị thị trấn Long Hồ, đô thị Phú Quới. Đề xuất các mô hình đặc trưng của điểm dân cư nông thôn trong vùng.

Xác định các giải pháp liên kết giữa các đô thị như: thị trấn Long Hồ, đô thị Phú Quới, trung tâm các xã, các trung tâm chuyên ngành,... Giải pháp liên kết về tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, quản lý và khai thác các vùng phát triển... Đánh giá và đề xuất các điểm dân cư tập trung có khả năng đô thị hóa hoặc các đô thị mới có khả năng hình thành trên địa bàn huyện.

Phân bố các vùng du lịch trọng điểm: Phân bố các cơ sở du lịch, vui chơi, giải trí mang tính chất vùng, phát triển du lịch vùng sông nước, du lịch sinh thái dọc sông Tiền, sông Cổ Chiên, cù lao An Bình. Phân bố các khu vực tổ chức cây xanh, thể dục thể thao,...

Phân bố vùng nông nghiệp sạch, chất lượng cao, khai thác và phát triển vùng chăn nuôi, thủy sản phù hợp theo các quy hoạch của ngành nông nghiệp, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Vĩnh Long cũng như của huyện Long Hồ.

Xác định hệ thống các trung tâm, công trình hạ tầng xã hội (*các trung tâm y tế, giáo dục, văn hoá, thể dục thể thao, trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch cấp vùng*).

Xác định các khu chuyên đổi chức năng, các khu cần bảo tồn, các khu cấm xây dựng, khu vực hạn chế phát triển.

2.2. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng.

a. Định hướng giao thông:

Xác định khung giao thông vùng, các công trình đầu mối giao thông quan trọng liên kết các vùng kinh tế, trực động lực của huyện và tỉnh như các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và đường thủy chính như sông Cổ Chiên, sông Tiền, sông Long Hồ,... đảm bảo kết nối giữa các khu vực trong huyện và kết nối với các đầu mối giao thông của tỉnh.

Đề xuất mô hình giao thông phù hợp với cấu trúc không gian vùng huyện. Kết nối giao thông giữa khu vực đô thị với các điểm dân cư nông thôn, các trung tâm chuyên ngành, các vùng sản xuất.

Xác định vị trí, quy mô các công trình giao thông như bến xe, cầu cống đường bộ, bến thủy nội địa,..., xác định mặt cắt ngang đường; Xác định chỉ tiêu về quỹ đất giao thông và các chỉ tiêu kỹ thuật áp dụng.

Nghiên cứu đề xuất mới và cập nhật các dự án giao thông (*hướng tuyến, quy mô, hành lang bảo vệ*) quan trọng của quốc gia, của Tỉnh liên quan đến huyện Long Hồ nhằm tạo động lực thúc đẩy kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

b. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật:

Đánh giá đất xây dựng: thuận lợi, ít thuận lợi và không thuận lợi. Khai thác quỹ đất xây dựng trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, đảm bảo an toàn và bền vững. Đề xuất các giải pháp thiết kế san nền cho khu vực phát triển đô thị - nông thôn.

Xác định cao độ xây dựng không chế cho từng khu vực đảm bảo chống ngập lụt, có tính đến kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, đảm bảo thoát nước, tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên.

Xác định các lưu vực thoát nước chính ra sông, rạch và hệ thống công thoát nước mặt chính. Đề xuất các giải pháp phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển hệ thống thủy lợi cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất và thoát lũ trong vùng.

c. Định hướng quy hoạch cấp nước:

Xác định tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước cho khu vực đô thị và nông thôn.

Đánh giá trữ lượng, chất lượng nguồn nước mặt và nước ngầm (nếu có) trên địa bàn huyện và khu vực lân cận. Lựa chọn nguồn nước (*ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt*).

Xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối cấp nước, công suất khai thác, mạng lưới đường ống cấp nước, ... Nâng cấp hoặc xây dựng mới các nhà máy nước đáp ứng nhu cầu cấp nước cho huyện trong các giai đoạn phát triển. Định hướng quy hoạch mạng lưới cấp nước cho các đô thị và điểm dân cư nông thôn.

Đề xuất giải pháp chính để bảo vệ các nguồn nước và các công trình đầu mối; đặc biệt là hệ thống sông, kênh, rạch hiện trạng...

d. Định hướng quy hoạch cấp điện:

Xác định chỉ tiêu cấp điện đối với các loại phụ tải cho khu vực đô thị, các khu vực phát triển mới, các điểm dân cư nông thôn và khu, cụm công nghiệp. Xác định vị trí, quy mô các công trình đầu mối cấp điện (*nguồn cấp điện*).

Dự báo nhu cầu cấp điện cho toàn huyện, khả năng cung cấp của nguồn điện. Quy hoạch mạng lưới cấp điện.

Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo (*năng lượng mặt trời, ...*).

e. Định hướng quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

Xác định chỉ tiêu, dự báo tổng lượng nước thải, chất thải rắn và nhu cầu đất nghĩa trang cho đô thị và các điểm dân cư nông thôn.

Định hướng giải pháp thoát nước thải sinh hoạt. Xác định vị trí, quy mô, công suất nhà máy xử lý nước thải. Định hướng giải pháp xử lý nước thải đối với các khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung, khu, cụm công nghiệp.

Đề xuất giải pháp tổ chức thu gom và quản lý chất thải rắn. Xác định vị trí, quy mô công trình đầu mối xử lý chất thải rắn và nghĩa trang.

f. Đánh giá môi trường chiến lược:

Xác định những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn; Phân tích, đánh giá hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan. Dự báo các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch; Định hướng phân vùng bảo vệ môi trường; Khoanh vùng các khu vực cần bảo vệ nguồn nước, đa dạng sinh học, các khu vực cần cách ly, ...

Đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu, cải thiện các vấn đề môi trường chính. Kế hoạch quản lý và giám sát môi trường.

Đánh giá sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với khu quy hoạch, đề xuất các giải pháp phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

g. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn quy hoạch và đề xuất, kiến nghị nguồn lực thực hiện, phân kỳ đầu tư.

D. NỘI DUNG CẦN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ QUY HOẠCH:

1. Thuyết minh nhiệm vụ:

- Phần căn cứ pháp lý cần bổ sung: Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh về việc công nhận thị trấn Long Hồ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long là đô thị loại V; Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Vĩnh Long đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035; Công văn số 2429/SCT-QLNL ngày 28/11/2022 của Sở Công thương về việc xây dựng phương án phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110KV trong quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành; Quyết định số 2811/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về việc phê duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phú Quới, huyện Long Hồ đến năm 2030.

- Hiện nay nhiệm vụ quy hoạch dự báo dân số toàn huyện đến năm 2030 khoảng 196.000 - 199.000 người là cao hơn dự báo của quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 (*cao hơn từ 26.000 - 29.000 người*), do đó đề nghị bổ sung, làm rõ cách tính toán dự báo dân số toàn huyện, từ đó tính toán lại dự báo dân số đô thị, dân số nông thôn, đất xây dựng đô thị, đất xây dựng điểm dân cư nông thôn giai đoạn đến năm 2030 và đến năm 2040 cho phù hợp.

- Tại trang 34, 35 khoản c mục 5.3.3, cần đánh giá lại số lượng đô thị của huyện, do theo Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 được duyệt cũng như Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng chính phủ, thì đến năm 2030 huyện Long Hồ chỉ có 02 đô thị là thị trấn Long Hồ và đô thị Phú Quới; Riêng đối với định hướng đô thị Hòa Phú có thể tiếp tục nghiên cứu ở bước lập đề án quy hoạch.

- Nội dung yêu cầu về “*Đánh giá môi trường chiến lược*” cần bổ sung nội dung đánh giá sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với khu quy hoạch, đề xuất các giải pháp phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Bản vẽ:

Đề nghị rà soát lại loại đô thị được thể hiện trên bản đồ đúng theo Chương trình Phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030 được duyệt (*do hiện nay Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 chưa được phê duyệt*) và rà soát, cập nhật lại đúng tên các đường Quốc Lộ, Tỉnh lộ trên địa bàn.

E. HỒ SƠ SẢN PHẨM VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ QUY HOẠCH:

I. Hồ sơ sản phẩm quy hoạch:

Số lượng hồ sơ sản phẩm quy hoạch, quy cách thể hiện, chất lượng bản vẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã được hợp nhất tại văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng và Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

II. Dự toán kinh phí quy hoạch:

- Căn cứ lập dự toán: Thông tư số 20/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị; Thông tư số 12/2021/TT-BXD của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng; Nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Nội dung điều chỉnh dự toán:

+ Điều chỉnh thuế giá trị gia tăng (VAT) là 10%, do Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ Quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội về việc giảm thuế giá trị gia tăng chỉ có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2022.

+ Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thực hiện theo Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ xây dựng về Ban hành định mức xây dựng có hiệu lực từ ngày 15/10/2021 (thay thế Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng).

- Tổng dự toán kinh phí lập quy hoạch sau thẩm định: 2.007.194.147 đồng.

(Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm lẻ bảy triệu, một trăm chín mươi bốn ngàn, một trăm bốn mươi bảy đồng).

Trong đó:

| STT | Khoản mục chi phí | Thành tiền sau thuế (đồng) |
|-----|--|----------------------------|
| 1 | Chi phí lập đề án quy hoạch | 1.466.141.453 |
| 2 | Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch | 105.014.709 |
| 3 | Chi phí thẩm định đề án quy hoạch | 91.087.370 |
| 4 | Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch | 19.093.583 |
| 5 | Chi phí công bố đề án quy hoạch | 39.985.676 |
| 6 | Chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch | 85.759.789 |
| 7 | Chi phí mua và vẽ bổ sung bản đồ địa hình phục vụ lập quy hoạch (tạm tính) | 150.000.000 |
| 8 | Chi phí tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư | 26.657.117 |
| 9 | Chi phí lập hồ sơ mời thầu lập đề án quy hoạch | 4.902.044 |
| 10 | Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu lập đề án quy hoạch | 5.991.387 |
| 11 | Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu | 1.000.000 |
| 12 | Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu | 1.000.000 |
| 13 | Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán | 10.561.019 |
| | Tổng cộng = (1+2+....+13) | 2.007.194.147 |

* Ghi chú:

- Chi phí trên chỉ mang tính chất tạm tính, giá trị thanh toán cụ thể được xác định theo quy mô quy hoạch, khối lượng sản phẩm của hồ sơ hoàn thành quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ đã được hợp nhất tại văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BXD ngày 22/11/2019 của Bộ Xây dựng và Thông tư số 04/2022/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

- Chi phí mua và vẽ bổ sung bản đồ địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch chỉ mang tính chất tạm tính, chủ đầu tư chịu trách nhiệm thẩm định, nghiệm thu và phê duyệt hồ sơ lập bản đồ địa hình phục vụ lập đồ án quy hoạch và dự toán chi phí này theo đúng quy định hiện hành.

F. KẾT LUẬN

Để đảm bảo nội dung nhiệm vụ quy hoạch đạt yêu cầu theo quy định, đề nghị chủ đầu tư và đơn vị tư vấn bổ sung, chỉnh sửa các nội dung sau:

1. Bổ sung, điều chỉnh chỉnh hồ sơ theo yêu cầu tại Phần D và dự toán kinh phí lập quy hoạch thực hiện theo Phần E của kết quả thẩm định này.

2. Quy trình, thủ tục về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch thực hiện theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP và Nghị định số 72/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm phối hợp đơn vị tư vấn hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch theo các nội dung nêu trên, gửi lại Sở Xây dựng để trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt, làm cơ sở triển khai bước lập đồ án quy hoạch.

Sở Xây dựng thông báo đến UBND huyện Long Hồ được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- P.KT&HT H.Long Hồ (t/hiện);
- Lưu: VT, QHKT (03b; Tr)

TM.HỘI ĐỒNG
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG
Đoàn Thanh Bình